

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2527/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023  
thành phố Sông Công**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Sông Công thời kỳ 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 626/TTr-STNMT ngày 26 tháng 9 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Sông Công với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 là 30,11ha.

*(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)*

2. Kế hoạch thu hồi bổ sung các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2023 là 31,04ha.

*(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)*

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 là 27,70ha.

*(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)*

4. Danh mục các công trình, dự án bổ sung:

Tổng số công trình, dự án thực hiện bổ sung năm 2023 là 05 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 30,11ha.

*(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)*

5. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, năm 2022 và năm 2023 thành phố Sông Công:

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 01 dự án đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 14/9/2021, Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 14/9/2021, Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

*(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)*

Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh tên và diện tích tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công có trách nhiệm:

1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

## Phụ lục I

### Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 thành phố Sông Công

(Kèm theo Quyết định số: 2527/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
			Phường Cải Đan	Phường Bách Quang	Phường Châu Sơn	Phường Lương Sơn	Phường Mỏ Chè	Phường Phổ Cò	Phường Thắng Lợi	Xã Bá Xuyên	Xã Bình Sơn	Xã Tân Quang
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>30,11</b>	<b>8,38</b>	<b>6,18</b>								<b>15,55</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>											
1.1	Đất trồng lúa											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác											
1.3	Đất trồng cây lâu năm											
1.4	Đất rừng phòng hộ											
1.5	Đất rừng đặc dụng											
1.6	Đất rừng sản xuất											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản											
1.8	Đất nông nghiệp khác											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>30,11</b>	<b>8,38</b>	<b>6,18</b>								<b>15,55</b>
2.1	Đất ở nông thôn	15,55										15,55
2.2	Đất ở đô thị	5,68		5,68								
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,50		0,50								
2.4	Đất an ninh											
2.5	Đất quốc phòng											
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp											
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	8,38	8,38									

2.8	Đất có mục đích công cộng											
2.9	Đất cơ sở tôn giáo											
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng											
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng											
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối											
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng											
2.14	Đất phi nông nghiệp khác											
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>											

## Phụ lục II

### Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2023 thành phố Sông Công

(Kèm theo Quyết định số: 2527/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
			Phường Cải Đan	Phường Bách Quang	Phường Châu Sơn	Phường Lương Sơn	Phường Mỏ Chè	Phường Phố Cò	Phường Thắng Lợi	Xã Bá Xuyên	Xã Bình Sơn	Xã Tân Quang
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>31,04</b>	<b>8,38</b>	<b>6,18</b>						<b>0,93</b>		<b>15,55</b>
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>27,70</b>	<b>6,38</b>	<b>5,90</b>						<b>0,93</b>		<b>14,49</b>
1.1	Đất trồng lúa	22,77	4,91	5,89						0,93		11,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	3,97	1,07	0,01								2,89
1.4	Đất rừng phòng hộ											
1.5	Đất rừng đặc dụng											
1.6	Đất rừng sản xuất	0,56										0,56
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,40	0,40									
1.8	Đất nông nghiệp khác											
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>3,34</b>	<b>2,00</b>	<b>0,28</b>								<b>1,06</b>
2.1	Đất ở nông thôn											
2.2	Đất ở đô thị	0,35	0,10	0,05								0,20
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan											
2.4	Đất an ninh											
2.5	Đất quốc phòng											
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp											
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,69	0,69									

2.8	Đất có mục đích công cộng	2,07	0,98	0,23									0,86
2.9	Đất cơ sở tôn giáo												
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng												
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,23	0,23										
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối												
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng												
2.14	Đất phi nông nghiệp khác												
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>												

**PHỤ LỤC SỐ III**

**Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 thành phố Sông Công**  
(Kèm theo Quyết định số: 2527/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
			Phường Cải Đan	Phường Bách Quang	Phường Châu Sơn	Phường Lương Sơn	Phường Mỏ Chè	Phường Phố Cò	Phường Thắng Lợi	Xã Bá Xuyên	Xã Bình Sơn	Xã Tân Quang
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>27,70</b>	<b>6,38</b>	<b>5,90</b>						<b>0,93</b>		<b>14,49</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>27,70</b>	<b>6,38</b>	<b>5,90</b>						<b>0,93</b>		<b>14,49</b>
1.1	Đất trồng lúa	22,77	4,91	5,89						0,93		11,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	3,97	1,07	0,01								2,89
1.4	Đất rừng phòng hộ											
1.5	Đất rừng đặc dụng											
1.6	Đất rừng sản xuất	0,56										0,56
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,40	0,40									
1.8	Đất nông nghiệp khác											
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>											
	<i>Trong đó:</i>											
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm											
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng											
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản											

2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối												
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản												
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối												
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng												
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng												
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng												

**Phụ lục IV****Danh mục 05 dự án bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023  
trên địa bàn thành phố Sông Công***(Kèm theo Quyết định số: 2527/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Tổng</b>		<b>30,11</b>	<b>21,84</b>			<b>8,27</b>
1	Khu nhà ở xã hội phường Bách Quang	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,68	5,50			0,18
2	Khu nhà ở công nhân xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	15,55	11,04			4,51
3	Trụ sở làm việc Chi cục Thuế khu vực Sông Công - Đại Từ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,50	0,39			0,11
4	Cụm công nghiệp Nguyên Gon	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	2,29	1,82			0,47
5	Cụm công nghiệp Khuynh Thạch (giai đoạn 2)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	6,09	3,09			3,00

**Phụ lục V**

**Điều chỉnh tên, diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn thành phố Sông Công**

*(Kèm theo Quyết định số: 2527/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Ghi chú
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
<b>Quyết định 4130/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định 2882/QĐ-UBND ngày 14/9/2021, Quyết định 4228/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 30/12/2022</b>																
1	Cụm công nghiệp xã Bá Xuyên (giai đoạn 1)	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	25,90	11,2			14,7	1	Cụm công nghiệp Bá Xuyên, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	47,59	30,5			17,09	
	Cụm công nghiệp Bá Xuyên (bổ sung)	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	6,70	4,57		2,13	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công			0,94	0,84			0,10		
	Cụm công nghiệp Bá Xuyên (bổ sung)	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	0,94	0,84		0,10										

	Xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	17,27	13,80			3,47									
<b>Tổng cộng</b>		<b>50,81</b>	<b>30,41</b>			<b>20,40</b>	<b>Tổng cộng</b>			<b>48,53</b>	<b>31,34</b>			<b>17,19</b>	